

Số: 76/2024/QĐST-DS

TP. Trà Vinh, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Đồng thời hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày đương sự vắng mặt nhận được Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả hoà giải thành nhưng không có ai ý kiến gì về nội dung biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Quý tín dụng nhân dân cơ sở L2**, do ông **Võ Quốc T**, sinh năm 1987, là Chủ tịch Hội đồng quản trị - đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Quốc T1**, sinh năm 1991 (Theo văn bản uỷ quyền số 36/UQ-QTD ngày 27/5/2024).

Địa chỉ: **Số D L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

- Bị đơn: Ông **Kiên C**, sinh năm 1970 (chết).

Địa chỉ: **Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Kiên C**:

1/ Bà **Thạch Thị H**, sinh năm 1971;

2/ **Kiên Thị H1**, sinh năm 1991;

3/ **Kiên Lành**, sinh năm 1992;

4/ **Kiên Huỳnh**, sinh năm 2003;

5/ **Kiên Thị H2**, sinh năm

Cùng địa chỉ: **Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Trần Thị Cẩm L**, sinh năm 1966;

2/ Bà **Lâm Thị Huỳnh T2**, sinh năm 1990;

3/ Chị **Lâm Thị Như Ý**, sinh năm 2001.

Người đại diện hợp pháp của chị Lâm Thị Như Ý: Bà **Trần Thị Cẩm L**, sinh năm 1966, là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 10/6/2024).

Cùng địa chỉ: **Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

4/ Ông **Phạm Thành T3**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: **ấp K, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Trần Quốc T1** đại diện nguyên đơn *Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L2* với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị Cẩm L** và bà **L** đại diện cho chị **Lâm Thị Như Ý**, với chị **Lâm Thị Huỳnh T2** cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà **Trần Thị Cẩm L** tự nguyện thống nhất đồng ý có nghĩa vụ trả cho **Q** tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số: 29/01/2017 ngày 24/01/2017 kèm theo Phiếu chi ngày 25/01/2017 và giấy nhận nợ ngày 25/01/2017 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) mà ông **Kiên C** đã ký với *Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L2*, số tiền vay gốc và lãi tính đến hết ngày 06/9/2024 tổng cộng là **1.433.052.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Trong đó: Tiền vay gốc: 450.000.000 đồng (*Bằng chữ: bốn trăm năm mươi triệu đồng*); Tiền nợ lãi: 993.510.000 đồng (*Bằng chữ: chín trăm chín mươi ba triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, bà **Trần Thị Cẩm L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà bà **Trần Thị Cẩm L** phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Nếu trường hợp bà **Trần Thị Cẩm L** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì bà **Trần Thị Cẩm L**, chị **Lâm Thị Huỳnh T2**, chị **Lâm Thị Như Ý**

cùng thống nhất đồng ý di dời đi nơi khác và giao tài sản thế chấp cho **Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L2** được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mãi các tài sản đã thế chấp cụ thể theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29/01/2017 ngày 24/01/2017 để thu hồi nợ cho **Q** tín dụng nhân dân **cơ sở L2**. Tài sản thế chấp là:

- Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 35, tổng diện tích 2114,3m² (trong đó có 300m² đất ở và 1814,3m² đất chuyên trồng lúa nước) tọa lạc tại **ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh**, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 276436 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T** cấp cho hộ bà **Trần Thị C1** Luyện đứng tên vào ngày 08/3/2016; Trong đó trừ ra phần đất mộ có ký hiệu (A) diện tích 144,9m², như sơ đồ khảo sát thửa đất kèm theo. Giao phần đất mộ có ký hiệu (A) diện tích 144,9m² này cho hộ bà **Trần Thị Cẩm L** tiếp tục quản lý, sử dụng (kèm theo sơ đồ khảo sát thửa đất).

- Thửa đất số 1605, tờ bản đồ số 46, tổng diện tích 1.824,3m² loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại **ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh**, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 533156 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T** cấp cho hộ bà **Trần Thị Cẩm L1** đứng tên vào ngày 15/4/2016.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình tự nguyện không yêu cầu ông **Kiên C** có trách nhiệm trả số nợ nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở **L** và không yêu cầu ông **Kiên C** có nghĩa vụ gì trong vụ án này.

Bà **Trần Thị Cẩm L**, chị **Lâm Thị Huỳnh T2**, chị Lâm Thị Như Ý cùng xác định tài sản này do bà **L** với bà **T2** đang quản lý, sử dụng, không liên quan đến ai.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm là 27.495.780 đồng (hai mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi đồng):* Các bên thỏa thuận thống nhất: Bà **Trần Thị Cẩm L** tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí là 27.495.780 đồng (hai mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho **Q** tín dụng nhân dân **cơ sở L2** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0011876 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

* *Về chi phí tố tụng:* Đã chi cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và yêu cầu cung cấp thông tin với số tiền là 4.850.883 đồng. Bà **Trần Thị Cẩm L** đồng ý chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 4.850.883 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước số tiền là 5.000.000 đồng. Do đó bà **Trần Thị Cẩm L** có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.850.883 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn dư là 149.117 đồng tại Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh khi Quyết định giải quyết vụ án có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Trang